

# TÍNH TƯƠNG THÍCH GIỮA CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH BIÊN GIỚI CARBON VÀ QUY ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI HƯỚNG TỚI THƯƠNG MẠI BỀN VỮNG

● PHẠM QUỐC HÀO<sup>1</sup> - CHU TRANG ANH<sup>1</sup> - DƯ VŨ QUỲNH ANH<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Học viện Ngoại giao

DOI: <https://doi.org/10.62831/202504022>

## TÓM TẮT:

Ngày 16/05/2023, Liên minh châu Âu ban hành Quy định số 2023/956 về Thiết lập Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) nhằm giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và cạnh tranh công bằng trong thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, sự ra đời của CBAM đặt câu hỏi về tính tương thích giữa cơ chế này với các quy định liên quan đến thương mại bền vững của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Để trả lời cho câu hỏi này, bài nghiên cứu tập trung phân tích tính tương thích giữa CBAM với các văn kiện quan trọng trong khuôn khổ WTO hướng tới thương mại bền vững.

**Từ khóa:** CBAM - Carbon Border Adjustment Mechanism, WTO, thương mại bền vững, tính tương thích.

## 1. Tổng quan về CBAM và quy định của WTO hướng tới thương mại bền vững

Trên cơ sở các quy định của sáng kiến chính sách khung về Thỏa thuận Xanh, Liên minh châu Âu (EU) đã phê chuẩn Quy định số 2023/956 về Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) vào ngày 16/05/2023. Quy định này nhằm giảm ít nhất 55% lượng phát thải khí nhà kính (GHG) vào năm 2030 so với năm 1990, đồng thời ngăn chặn tình trạng "rò rỉ carbon" khi các doanh nghiệp di dời dây chuyền sản xuất có mức phát thải cao sang các quốc gia có tiêu chuẩn môi trường thấp hơn. Ban đầu, CBAM áp dụng đối với các hàng hóa có tổng lượng phát thải GHG cao như xi măng, thép, phân bón, nhôm, điện và hydro và dự kiến mở rộng sang các sản phẩm phát thải gián tiếp như polyme và nhựa vào năm 2030.

CBAM được triển khai theo 2 giai đoạn. Trong giai đoạn chuyển tiếp (01/10/2023 - 31/12/2025), các doanh nghiệp EU chỉ cần báo cáo tổng lượng khí thải GHG từ sản xuất các mặt hàng chịu sự điều chỉnh của CBAM mà không phải nộp bất kỳ khoản thanh toán nào. Việc báo cáo có thể thực hiện theo ba phương thức: (i) báo cáo đầy đủ theo phương thức EU; (ii) báo cáo theo phương thức tương đương; (iii) báo cáo dựa trên giá trị tham chiếu mặc định. Ngoài ra, doanh nghiệp được cấp hạn ngạch phát thải miễn phí và không phải mua chứng chỉ CBAM. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2026, CBAM sẽ bước vào giai đoạn vận hành. Khi đó, các nhà nhập khẩu EU phải đăng ký với cơ quan quản lý và mua chứng chỉ CBAM theo giá tín chỉ phát thải của Hệ thống khí thải EU (EU-ETS). Đồng thời, họ phải nộp báo cáo hàng năm về tổng

lượng sản phẩm nhập khẩu, tổng lượng phát thải GHG của sản phẩm đó và số lượng chứng chỉ CBAM cần nộp tương ứng.

Trong bối cảnh thương mại bền vững, WTO đã đề ra nhiều quy định nhằm cân bằng giữa thương mại và bảo vệ môi trường. Điều XX(b) và Điều XX(g) của Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại (GATT) cho phép miễn trừ trách nhiệm đối với các biện pháp thương mại nhằm bảo vệ sức khỏe con người, động thực vật hoặc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt, miễn là các biện pháp này cũng áp dụng trong nước. Trong vụ Hoa Kỳ - Xăng dầu, Hoa Kỳ cấm nhập khẩu xăng dưới mức tiêu chuẩn theo Đạo luật Không khí Sạch nhằm bảo vệ môi trường. Cơ quan Phúc thẩm WTO công nhận không khí sạch là “tài nguyên có thể bị cạn kiệt” và chấp nhận miễn trừ của Hoa Kỳ theo Điều XX(g) GATT.

Ngoài ra, Hiệp định về Rào cản Kỹ thuật đối với Thương mại (TBT) cũng đặt ra các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm bảo vệ môi trường. Điều 2.2 của TBT quy định các tiêu chuẩn kỹ thuật không được tạo ra rào cản thương mại quá mức so với yêu cầu cần thiết để đạt mục tiêu hợp pháp, bao gồm bảo vệ sức khỏe con người, động thực vật và môi trường. Điều này cho thấy WTO không phản đối các biện pháp bảo vệ môi trường, nhưng nhấn mạnh nguyên tắc không phân biệt đối xử trong thương mại quốc tế.

## **2. Tính tương thích giữa CBAM và quy định của WTO hướng tới thương mại bền vững**

Để xem xét tính tương thích giữa CBAM và quy định của WTO, bài viết tập trung phân tích CBAM dưới góc độ là một biện pháp thuế nội địa áp dụng đối với các sản phẩm nhập khẩu. Trong thực tế, khi thực thi, CBAM đối mặt với nhiều thách thức pháp lý, đặc biệt là việc tuân thủ các quy định về thương mại bền vững trong GATT như nguyên tắc Tối huệ quốc (Điều I); nguyên tắc Đối xử quốc gia (Điều III) và ngoại lệ chung về môi trường (Điều XX); cũng như là khả năng tương thích với các quy định trong TBT.

### **2.1. Sự tương thích với GATT**

#### **2.1.1. Nguyên tắc Tối huệ quốc**

Nguyên tắc Tối huệ quốc là một trong những nguyên tắc trụ cột của thương mại quốc tế và được quy định tại Điều I(1) GATT. Theo đó, Điều I(1) cấm phân biệt đối xử giữa các Thành viên WTO

bằng cách yêu cầu bất kỳ lợi thế, ưu đãi thương mại nào dành cho bất kỳ sản phẩm nào từ bất kỳ quốc gia nào (hoặc dành cho bất kỳ quốc gia nào) cũng phải ngay lập tức và vô điều kiện được áp dụng cho các “sản phẩm tương tự” của tất cả các Thành viên khác.

Tuy nhiên, theo CBAM, hàng hóa từ các nước khác nhau phải trả mức thuế khác nhau dựa trên lượng phát thải carbon, vậy, liệu quy định này của CBAM có vi phạm Điều I GATT do áp dụng các mức thuế khác nhau đối với “sản phẩm tương tự”. EU cho rằng, CBAM nhằm mục đích đạt được sự cạnh tranh công bằng trong thị trường thương mại EU và thuế carbon mà nhà nhập khẩu phải trả sẽ tương đương với chi phí trợ cấp mà các nhà sản xuất EU buộc phải trả, do đó, CBAM không mang tính phân biệt đối xử.

Để xác định CBAM không mang tính chất phân biệt đối xử theo Điều I(1) GATT, cần thiết phải làm rõ lượng phát thải carbon trong quá trình sản xuất có thể trở thành tiêu chí để xác định “sản phẩm tương tự” hay không.

Hiện nay, WTO không có quy định về tiêu chí đối với “sản phẩm tương tự”, nhưng trong các phán quyết của Ban Hội thẩm đã tạo ra một số tiêu chí để xác định. Trong Vụ Nhật Bản - Đồ uống có cồn, Ban Hội thẩm xác định “sản phẩm tương tự” dựa trên căn cứ vào (i) đặc tính của sản phẩm, bản chất tự nhiên và chất lượng sản phẩm; (ii) mục đích sử dụng cuối cùng của sản phẩm; (iii) thị hiếu và thói quen của người tiêu dùng; và (iv) cũng như đáp ứng các tiêu chí khác trong bảng phân loại thuế quan.

Nếu dựa vào các tiêu chí về đặc tính vật lý, tiêu thụ và phân loại thuế quan của sản phẩm đó, có thể thấy, lượng phát thải carbon trong quá trình sản xuất không ảnh hưởng đến tính chất của sản phẩm, do đó không ảnh hưởng đến việc đánh giá sản phẩm đó có phải “sản phẩm tương tự” không. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào thị hiếu và thói quen của người tiêu dùng, lượng phát thải carbon trong quá trình sản xuất có thể được cân nhắc để đánh giá “sản phẩm tương tự”. Lấy ví dụ giả định về một thị trường, trong đó, hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng dựa trên lượng phát thải trong quá trình sản xuất, các sản phẩm có lượng phát thải carbon cao và thấp tương ứng vẫn có thể được coi là “sản phẩm tương tự” nếu chúng có thể thay thế cho nhau được.

Tuy nhiên, WTO nói chung và CBAM nói riêng không đưa ra bất kỳ hướng dẫn nào về việc đo hàm lượng carbon trong hàng hóa. Hơn thế nữa, tình hình AB của WTO bị tê liệt như hiện tại sẽ trở thành trở ngại cho các thành viên trong việc yêu cầu chứng minh “sản phẩm tương tự”, do đó, việc thực hiện CBAM có thể dẫn đến sự phân biệt đối xử đáng kể đối với các sản phẩm. Có thể hiểu, việc xác định tính “tương tự” của sản phẩm dựa trên lượng phát thải carbon là tiêu chí quan trọng để nhận định tính tương thích giữa CBAM và quy định của GATT về Tối huệ quốc. Khó khăn trong việc xác định “sản phẩm tương tự” dựa trên lượng phát thải carbon được đưa ra trong CBAM dẫn tới tồn tại mâu thuẫn đối với nguyên tắc Tối huệ quốc được quy định tại Điều I GATT.

#### 2.2.2. Nguyên tắc Đối xử quốc gia

Được xem là một biện pháp thuế nội địa áp dụng đối với các sản phẩm nhập khẩu, CBAM cần thiết phải tuân thủ với nguyên tắc Đối xử quốc gia được quy định tại Điều III(2) GATT. Theo đó, Điều III(2) GATT cấm một Thành viên áp dụng các biện pháp (bao gồm thuế, các khoản thu nội địa hoặc các biện pháp) nhằm phân biệt đối xử giữa hàng hóa nhập khẩu và các hàng hóa tương tự được sản xuất trong nước. Điều này có nghĩa là sau khoản thuế nhập khẩu mà hàng hóa nhập khẩu đã phải nộp khi qua cửa nhập khẩu, nguyên tắc Đối xử quốc gia không cho phép đánh thêm một khoản thuế hoặc khoản thu nội địa cao hơn so với một sản phẩm tương tự có xuất xứ từ chính nước sở tại.

Nếu CBAM là một hình thức thuế biên giới dựa trên các biện pháp thuế nội địa và áp dụng đối với các sản phẩm nhập khẩu như đề cập ở trên, trước hết sẽ đáp ứng các điều kiện được đặt ra tại Điều II(2) GATT và về mặt lý thuyết, việc điều chỉnh thuế biên giới sẽ có thể thực hiện được. Tuy nhiên, điều kiện tiên quyết là cần xem xét các tiêu chí với “sản phẩm tương tự” được quy định tại Điều III(2) GATT và đảm bảo rằng thuế carbon không vượt quá mức thuế nội địa áp dụng cho sản phẩm nội địa. Mặt khác, nếu xét thuế carbon đánh vào một loại khí thải nhà kính, vấn đề cần xem xét là lượng carbon (i) tồn tại về mặt vật lý trong sản phẩm; và (ii) được sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm.

CBAM được đánh giá tương thích theo nguyên tắc Đối xử quốc gia được quy định tại Điều III(2) GATT, dựa trên các tiêu chí về “sản phẩm tương

tự” và không phân biệt đối xử giữa sản phẩm nội địa và sản phẩm nhập khẩu.

*Thứ nhất là*, vấn đề đặt ra đối với “sản phẩm tương tự” giữa hàng nội địa và hàng nhập khẩu được xem xét tại phần 2.1.(a). *Thứ hai là*, vấn đề áp dụng thuế carbon biên giới giữa sản phẩm nội địa và sản phẩm nhập khẩu. Hiện tại, CBAM yêu cầu nhà nhập khẩu hàng vào EU đăng ký với cơ quan quản lý trong nước và mua chứng chỉ CBAM và giá của chứng chỉ dựa vào giá tín chỉ phát thải hàng tuần của EU-ETS. Tuy nhiên, hiện nay, 43% hạn ngạch phát thải ETS đã được phân bổ miễn phí cho các công ty EU. Việc giữ nguyên mức phát thải miễn phí đối với các sản phẩm của EU, đồng thời yêu cầu mua chứng chỉ CBAM đối với các sản phẩm nhập khẩu tương tự có thể dẫn tới vi phạm nguyên tắc Đối xử quốc gia. Điều này cũng đặt ra sự bảo vệ kép cho các sản phẩm EU, với chi phí thấp hơn cho các sản phẩm trong nước so với sản phẩm nhập khẩu, miễn là các doanh nghiệp EU tiếp tục nhận được hạn ngạch phát thải miễn phí. Tuy nhiên, việc dần bãi bỏ và cho phép các sản phẩm nhập khẩu được miễn hạn ngạch miễn phí này và bù đắp giá phát thải carbon đã phải trả cho các sản phẩm nhập khẩu tại nước xuất khẩu, những biện pháp này có thể khiến cho CBAM tuân thủ theo nguyên tắc Đối xử quốc gia.

Tương tự như nguyên tắc Tối huệ quốc, việc đánh giá tương thích CBAM với nguyên tắc Đối xử quốc gia cần thiết đánh giá tính “tương tự” giữa sản phẩm nội địa và sản phẩm nhập khẩu.

#### 2.2.3. Điều khoản về Ngoại lệ chung

GATT đưa ra ngoại lệ chung tại Điều XX(b) và XX(g), trong đó có ngoại lệ về bảo vệ môi trường, cho phép các Thành viên được thực thi các biện pháp không tương thích với các quy định của GATT, như điều khoản quy định về nguyên tắc Tối huệ quốc và nguyên tắc Đối xử quốc gia.

Theo Điều XX(b) GATT, các biện pháp thương mại “cần thiết để bảo vệ cuộc sống và sức khỏe, động vật hoặc thực vật” có thể không áp dụng nguyên tắc không phân biệt đối xử, cụ thể là nguyên tắc Tối huệ quốc và Đối xử quốc gia.

Một trong những lý do CBAM ra đời là nhằm giảm thiểu khí thải nhà kính, hướng tới việc kiểm soát sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu. Theo Báo cáo năm 2022 của Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi khí hậu, biến đổi khí hậu gây ra mối đe

dọa ngày càng nghiêm trọng đến sức khỏe của con người. Một nghiên cứu toàn diện gần đây của BMC Public Health cho thấy tác động của biến đổi khí hậu đối với sức khỏe cộng đồng rất sâu rộng, ảnh hưởng đến mọi thứ, từ sự lây lan của các bệnh truyền nhiễm đến làm trầm trọng thêm các vấn đề về chất lượng không khí. Báo cáo về Khoảng cách phát thải 2022 do Chương trình Môi trường Liên hợp quốc công bố, hầu hết các quốc gia đều không đáp ứng được cam kết giảm phát thải, dẫn đến sự không chắc chắn đáng kể trong việc đạt được mức phát thải ròng bằng 0 như kế hoạch. Thậm chí, do khoảng cách phát thải hiện tại, ngay cả khi các quốc gia đáp ứng Báo cáo Đóng góp do quốc gia tự quyết định đúng tiến độ, việc hạn chế mức tăng nhiệt độ và hạn chế mức tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu 1.5 độ vào cuối thế kỷ này có thể là vô cùng khó khăn.

Trong Vụ Brazil - Lốp đắp lại, Brazil đã ban hành quy định cấm nhập khẩu lốp đắp lại vì các sản phẩm này, sau một thời gian ngắn sử dụng, bị đốt hoặc thải ra môi trường đã gây ra những nguy cơ và tác động không nhỏ tới sức khỏe con người hay môi trường. Phát thải nhà kính là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới vấn đề ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Do đó, việc thực thi CBAM là cần thiết đáp ứng được tính cấp thiết trong việc bảo vệ sức khỏe con người.

Tuy nhiên, trong Vụ Hoa Kỳ - Cá ngừ, các chuyên gia xác định một quốc gia không cần thiết phải buộc một quốc gia khác áp dụng chính sách thương mại tương tự như quốc gia đó. Do đó, việc yêu cầu các nước nhập khẩu sử dụng cùng mức phát thải carbon như EU-ETS có thể trở thành trở ngại cho việc áp dụng ngoại lệ này.

Ngoại lệ thứ hai được quy định tại Điều XX(g) GATT, theo đó, một Thành viên có thể áp dụng một biện pháp “có liên quan tới việc giữ gìn nguồn tài nguyên có thể bị cạn kiệt, nếu các biện pháp đó cũng được áp dụng hạn chế với cả tiêu dùng nội địa”. Điều XX(g) đưa ra ba điều kiện để biện pháp không tương thích sẽ được chấp nhận (i) biện pháp được ban hành và áp dụng với mục đích “giữ gìn” nguồn tài nguyên có thể bị cạn kiệt; (ii) biện pháp “liên quan đến” việc giữ gìn nguồn tài nguyên có thể bị cạn kiệt; và (iii) biện pháp đó phải được áp dụng đồng thời với việc hạn chế sản xuất tiêu dùng trong nước.

*Thứ nhất*, CBAM nhằm mục đích bảo tồn một “bầu không khí với nồng độ khí nhà kính tiếp tục ở mức thấp”, thì câu hỏi đặt ra là liệu “bầu không khí với nồng độ khí nhà kính tiếp tục ở mức thấp”, như vậy có thể được gọi là “tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt” hay không. Từ Vụ Hoa Kỳ - Xăng dầu, “tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt” không chỉ áp dụng riêng cho tài nguyên khoáng sản như kim loại quý hoặc tài nguyên sinh vật, mà còn bao gồm “không khí sạch”. Việc giảm lượng khí thải carbon trong khí quyển bằng CBAM có thể được coi là một biện pháp để bảo vệ không khí sạch hoặc tài nguyên khí quyển.

*Thứ hai*, mối quan hệ giữa mục tiêu CBAM và giữ gìn nguồn tài nguyên có thể bị cạn kiệt. Câu chữ Điều XX(g) GATT chỉ quy định rằng biện pháp đó “liên quan đến” việc giữ gìn nguồn tài nguyên có thể bị cạn kiệt. Như vậy, có thể hiểu, Điều XX(g) không yêu cầu biện pháp đó nhất thiết để giữ gìn nguồn tài nguyên, tuy nhiên, mục đích của biện pháp đó phải hướng đến giữ gìn nguồn tài nguyên.

CBAM được đánh giá như một phần không thể thiếu của thuế carbon nội địa và mục tiêu của CBAM là bảo tồn “bầu không khí với nồng độ khí nhà kính duy trì ở mức thấp” thông qua giảm phát thải khí nhà kính. Theo quan điểm đó, có thể khẳng định CBAM là một biện pháp liên quan đến việc bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên đang cạn kiệt, từ đó đáp ứng các yêu cầu tại Điều XX(g) của GATT. Tuy nhiên, có lập luận chỉ ra rằng CBAM nhằm mục đích duy trì khả năng cạnh tranh công nghiệp và đảm bảo cơ hội việc làm ở các nước phát triển, vì vậy, các biện pháp đó không thể được xem xét là có mục đích “bảo tồn tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt”.

Cuối cùng, biện pháp đưa ra phải được áp dụng kết hợp với các hạn chế đối với sản xuất hoặc tiêu dùng trong nước. Quy định này không đòi hỏi phải có sự đối xử hoàn toàn giống nhau giữa sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm trong nước. Vụ Hoa Kỳ - Xăng dầu chỉ ra rằng “đối xử bình đẳng” trong việc áp đặt các hạn chế đối với sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm trong nước là đủ. Do đó, nếu thuế carbon được áp dụng cho cả sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm trong nước và các khoản phí thuế của sản phẩm nhập khẩu bằng hoặc thấp hơn so với sản phẩm trong nước, điều này thường được định nghĩa là “đối xử bình đẳng”.

## **2.2. Sự tương thích với TBT (Technical Barriers to Trade - rào cản kỹ thuật thương mại)**

Rào cản kỹ thuật đối với thương mại là 3 loại biện pháp kỹ thuật, gồm: các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu, và/hoặc quy trình nhằm đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu đối với các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật đó. Tuy về nguyên tắc, các biện pháp kỹ thuật này là cần thiết và hợp lý nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường hay an ninh của mỗi quốc gia, nhưng trên thực tế, các biện pháp này lại là các rào cản tiềm ẩn đối với thương mại quốc tế, bởi chúng có thể được nước nhập khẩu sử dụng để bảo hộ cho hàng hóa nội địa, gây khó khăn cho việc thâm nhập của hàng hóa nước ngoài vào thị trường nước nhập khẩu.

TBT được thông qua ngày 01/01/1995 nhằm thừa nhận sự cần thiết của các biện pháp kỹ thuật và trao cho các quốc gia thành viên WTO quyền thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ môi trường hoặc sức khỏe con người. Mặt khác, TBT đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp nêu trên không mang tính phân biệt đối xử và không tạo ra các rào cản không cần thiết trong thương mại quốc tế.

Để đánh giá tính tương thích giữa CBAM với TBT, trước tiên cần xác định liệu CBAM có thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định hay không. Theo Phụ lục I TBT, 03 loại biện pháp kỹ thuật được phân loại chủ yếu dựa trên quy định về đặc tính của sản phẩm và quy định về quy trình và phương pháp sản xuất có tác động đến đặc tính của sản phẩm.

CBAM không thuộc phạm vi điều chỉnh của TBT do không thuộc bất cứ biện pháp kỹ thuật nào được nêu trong Hiệp định. Lý do vì CBAM tuy đặt ra các hạn chế đối với sản phẩm nhập khẩu dựa trên đặc tính là cường độ phát thải nhưng không quy định cụ thể những đặc tính của sản phẩm này là gì, cũng như không cấm việc nhập khẩu toàn bộ các sản phẩm sử dụng nhiều

carbon. Do CBAM không thuộc phạm vi điều chỉnh của TBT nên không thể đánh giá tính tương thích giữa CBAM và Hiệp định này.

Tuy nhiên, nếu phạm vi của CBAM được mở rộng nhằm điều chỉnh quy trình và phương pháp sản xuất nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững thì CBAM có thể được xem là một tiêu chuẩn kỹ thuật hay quy chuẩn kỹ thuật, từ đó được điều chỉnh bởi TBT. Tính tương thích giữa CBAM với TBT khi đó sẽ được tiếp tục đánh giá.

## **3. Kết luận**

Việc đánh giá tính tương thích giữa CBAM và quy định của WTO hướng tới thương mại bền vững ở thời điểm hiện tại còn tồn tại một số khó khăn. Khó khăn đầu tiên nằm ở việc xác định bản chất pháp lý của CBAM, liệu CBAM là một cơ chế “điều chỉnh thuế biên giới” hay là một biện pháp thuế nội địa áp dụng đối với các sản phẩm nhập khẩu. Hiện nay, WTO chưa đưa ra kết luận về bản chất pháp lý của CBAM, tuy nhiên trong trường hợp CBAM được kết luận là một biện pháp thuế nội địa, CBAM cần được xem xét tính tương thích với nguyên tắc Tối huệ quốc, nguyên tắc Đối xử quốc gia và ngoại lệ chung được quy định trong GATT.

Khó khăn trong việc xác định “sản phẩm tương tự” dựa trên lượng phát thải carbon được đưa ra trong CBAM dẫn tới việc CBAM có khả năng không tương thích với nguyên tắc Tối huệ quốc quy định tại Điều I GATT, cũng như nguyên tắc Đối xử quốc gia tại Điều III(2) GATT. Tuy vậy, nếu trường hợp đó xảy ra, căn cứ trên mục đích ban hành, CBAM vẫn sẽ thỏa mãn các ngoại lệ chung được quy định tại Điều XX(b) GATT - nhằm bảo vệ cuộc sống và sức khỏe, động vật hoặc thực vật và Điều XX(g) - nhằm bảo vệ tài nguyên thiên nhiên có thể bị cạn kiệt. Như vậy, về lý thuyết, có thể kết luận, CBAM vẫn tương thích với các quy định hướng tới thương mại bền vững của GATT. Tuy nhiên, hiện tại, EU chỉ mới triển khai CBAM ở giai đoạn đầu tiên, do đó không loại trừ khả năng trong quá trình vận hành các vấn đề pháp lý mới sẽ phát sinh ■

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Anne-Célia Disdier (2008). The Impact of Regulations on Agricultural Trade: Evidence from the SPS and TBT Agreements. American Journal of Agriculture Economics, 90(2).

2. Haoyu Zhao (2023). Implementation of the EU's CBAM under the WTO Rules: Process, Relations, Responses. Proceedings of the 2nd International Conference on Interdisciplinary Humanities and Communication Studies, 244-248.
3. Ilaria Espa Joseph Francois Harro van Assel (2022). The EU Proposal for a Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM): An Analysis under WTO and Climate Change Law. WTI Working paper, No. 6, 1.
4. James Bacchus (2021). Legal Issues with the European Carbon Border Adjustment Mechanism. Briefing paper, No. 125.
5. Kamran Abbasi, Parveen Ali, Virginia Barbour et al (2024). Time to treat the climate and nature crisis as one indivisible global health emergency, BMC Public Health, 141.
6. Leal-Arcas, R., Martinez, L., Abang, V et al. Climate Neutrality and Sustainability in International Trade. University Of Pennsylvania Journal Of International Law, 44(3), 619-700.
7. Rafael Leal-Arcas, Manuliza Faktaufon (2022). Anna Kyprianou A Legal Exploration of the European Union's Carbon Border Adjustment Mechanism. European Energy And Environmental Law Review, 31(4), 223.

**Ngày nhận bài: 4/12/2024**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 19/12/2024**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 5/1/2025**

## COMPATIBILITY BETWEEN THE CARBON BORDER ADJUSTMENT MECHANISM AND THE REGULATIONS OF THE WORLD TRADE ORGANIZATION TOWARDS SUSTAINABLE TRADE

● PHAM QUOC HAO<sup>1</sup>  
● CHU TRANG ANH<sup>1</sup>  
● DU VU QUYNH ANH<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Diplomatic Academy of Vietnam

### **ABSTRACT:**

On 16 May 2023, the European Union issued Regulation 2023/956 Establishing the Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM) - the first step in realizing the goal of addressing climate change and fair competition in global trade. However, the birth of CBAM raises questions about the compatibility of this mechanism with the World Trade Organization (WTO)'s regulations related to sustainable trade. To answer this question, the study focuses on analyzing the compatibility of CBAM with important documents within the WTO framework towards sustainable trade, thereby assessing the compatibility between CBAM and WTO regulations towards sustainable trade.

**Keywords:** CBAM, WTO, sustainable trade, compatibility.